**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CẦN GIUỘC**
TỈNH LONG AN

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà*: Bà Trần Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Thành Công

2. Ông Trần Văn Xuân

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Chánh Nhật- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 467/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123C/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh A. (Vắng mặt có đơn xin vắng)

*2. Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh A. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M:* Ông Nguyễn Văn M yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T; Về con chung, có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 14/8/1999 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 21/6/2003 đã trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: ông M không yêu cầu giải quyết. Về án phí, ông M đồng ý chịu toàn bộ án phí.

*Yêu cầu, đề nghị của bà Nguyễn Thị Hồng T:* Bà T vắng mặt không có ý kiến.

*Các tài liệu chứng cứ của vụ án:*

*Chứng cứ do ông Nguyễn Văn M cung cấp:* Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của ông M (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 02 giấy khai sinh con chung (bản sao), bản tự khai, đơn xác nhận cư trú.

*Chứng cứ do bà Nguyễn Thị Hồng T cung cấp:* Không có.

*Các tình tiết của vụ án:*

*Ông M trình bày:* Ông M và bà T đến với nhau do quen biết, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An vào năm 2002 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 659/2002 ngày 12/12/2002. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn đến khoảng năm 2004 phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng không có tiếng nói chung. Thời gian dài mâu thuẫn vẫn không được giải quyết được nên nay ông M yêu cầu xin ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Hồng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 659/2002 ngày 12/12/2002, đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Ông M yêu cầu ly hôn với bà T do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà T không đến và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông M. Về phía ông M vẫn cương quyết xin ly hôn và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn M là có căn cứ, theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được",* Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn M đối với bà Nguyễn Thị Hồng T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 14/8/1999 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 21/6/2003 đã trưởng thành nên Hội đồng không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 14/8/1999 và Nguyễn Thị D, sinh ngày 21/6/2003 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng mà ông M đã nộp theo biên lai thu số 0004751 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí. Ông M đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Phương Thảo**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Chí** **Nguyễn Thành Công** **Trần Phương Thảo**